TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TT** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Số: 88/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 23/12/2022.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT – TỈNH AN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Văn Dũng;
2. Bà Trần Ngọc Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Chau Chanh Đô Ra - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TT.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT tham gia phiên tòa*:** Ông Chau Pho Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 344/2022/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 11 năm 2022 về: *"Tranh chấp ly hôn",* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 146/2022/QĐXX- DS ngày 25 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn O, sinh năm: 1976; địa chỉ cư trú: Tổ 05, ấp AN, xã LP, huyện TT, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Bà Lê Thị Thanh T, sinh năm: 1983; địa chỉ cư trú: Tổ 05, ấp AH, xã LP, huyện TT, tỉnh An Giang.

(Tại phiên tòa, ông O có mặt; bà T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 20/10/2022 với các tài liệu kèm theo cũng như quá trình tố tụng tại tòa, ông Nguyễn Văn O trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa ông với bà T được hình thành là do tự tìm hiểu và tự chung sống nhau vào năm 2011, không tổ chức đám cưới và từ đó đến nay hai người chưa đăng ký kết hôn. Cuộc sống chung hạnh phúc được đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bà T không tôn trọng chồng con, thường xuyên vô cớ kiếm chuyện và gây cải nhau với ông, ông cố chịu đựng nhưng bà T ngày càng lấn lướt nên ông không thể chịu đựng được nữa, nay ông xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, ông xin ly hôn với bà T.

Về quan hệ con chung: Ông với bà T có 01 con chung tên Lê Nguyễn Quang N, sinh ngày 27/5/2014, hiện sống chung trong nhà. Khi ly hôn, ông yêu cầu tiếp tục nuôi cháu N, không yêu cầu bà T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ nợ chung: Ông với bà T không có nợ chung.

Bị đơn bà Lê Thị Thanh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà với ông O được hình thành đúng như ông O trình bày và bà cũng thừa nhận từ trước nay hai người vẫn chưa đăng ký kết hôn. Nhưng nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do ông O thường xuyên có lời lẽ xúc phạm bà và gia đình, nên xảy ra xung đột và ông O đánh đập bà, có lần ông đánh bà phải nhập viện, nhưng đó là lỗi ở O riêng tình cảm của bà đối với ông O vẫn còn, nên bà không đồng ý ly hôn.

Về quan hệ con chung: Đúng là giữa bà với ông O có 01 con chung, họ tên và ngày tháng năm sinh như ông O trình bày, hiện con chung sống cùng nhà. Nếu Tòa án quyết định cho ly hôn thì bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và yêu cầu ông O phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 10.000.000 đồng đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Thống nhất với trình bày của ông O.

Tại phiên tòa, bà T mặc dù được tống đạt hợp lệ lần thứ 2 nhưng bà vắng mặt không lý do. Riêng ông O đồng ý giao con chung là cho bà T nuôi, theo ý nguyện của cháu N và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng. Các quan hệ khác, ông O bảo lưu ý kiến của mình.

Quan điểm của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết đúng theo trình tự thủ tục, xác định đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền xét xử. Trong quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán cũng như Hội đồng xét xử (HĐXX) đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự trong vụ án cũng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Ông O – bà T chung sống nhau từ năm 2011, nhưng không đăng ký kết hôn, nên đề nghị HĐXX tuyên không công nhận ông O – bà T là quan hệ vợ chồng; về quan hệ con chung, hai bên thống nhất giao cháu N cho bà Thảo nuôi theo ý nguyện của cháu, nên đề nghị HĐXX công nhận thỏa thuận. Riêng bà T yêu cầu cấp dưỡng mỗi tháng 10.000.000 đồng là cao, đề nghị HĐXX công nhận tự nguyện của ông O cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 đồng. Các phần khác hai bên không yêu cầu nên không đề cặp giải quyết. Từ phân tích trên đề nghị HĐXX xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của Kiểm sát viên. HĐXX nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: Ông O khởi kiện: "Tranh chấp ly hôn" với bà T là thuộc thẩm quyền của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bà T có địa chỉ cư trú tại huyện TT, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện TT giải quyết đúng thẩm quyền. Bà T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham dự phiên tòa, nhưng bà vắng mặt không có lý do. Do đó, HĐXX xét xử vắng mặt bà Thảo theo Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa ông O – bà T được hình thành là do hai người tự tìm hiểu và chung sống nhau từ năm 2011; lẽ ra ông O – bà T phải tuân thủ pháp luật, đăng lý kết hôn theo quy định, nhưng giai đoạn hòa giải cũng như tại phiên tòa ông O – bà T cùng trình bày từ trước đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Trình bày của ông O – bà T phù hợp với kết quả xác nhận của Ủy ban nhân dân xã LP ngày 23/11/2022, nơi ông O – bà T có đăng ký hộ khẩu, nên HĐXX áp dụng Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình tuyên không công nhận ông Nguyễn Văn O – bà Lê Thị Thanh T là quan hệ vợ chồng.

[3]. *Về quan hệ con chung*: Ông O – bà T thống nhất khi ly hôn giao cháu Lê Nguyễn Quang N, sinh ngày 27/5/2014 cho bà T tiếp tục nuôi. Xét cháu N hiện trên 07 tuổi, ý nguyện của cháu là sau khi ly hôn được tiếp tục sống với mẹ, nên thỏa thuận về việc giao con chung giữa bà T – ông O là phù hợp pháp luật, HĐXX nghĩ nên công nhận.

Theo quy định của pháp luật, khi ly hôn bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Việc cấp dưỡng là thể hiện nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chưa thành niên hoặc con đã thành niên không có khã năng lao động tự nuôi sống mình, tại phiên tòa bà T vẫn giử yêu cầu, nên ông O phải có nghĩa vụ cấp dưỡng.

Tuy nhiên, theo trình bày tại phiên tòa thì ông O đang mua bán nhỏ và làm công việc thêm có thu nhập trung bình mỗi tháng khoảng 4.000.000 đồng. Đối với cháu N, chi phí nuôi dưỡng và các khoản phí học tập trung bình mỗi tháng là 3.000.000 đồng; lẽ ra chỉ buộc ông O cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000 đồng, nhưng qua động viên ông O đồng ý cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 đồng là có lợi cho cháu N và bà T, nên HĐXX công nhận sự tự nguyện.

Việc bà T yêu cầu cấp dưỡng mỗi tháng bằng 10.000.000 đồng là cao, so với yêu cầu thực tế nuôi cháu N và thu nhập của ông O, nên HĐXX không có cơ sở chấp nhận.

Hội đồng xét xử cũng giải thích cho bà T biết: Trong thời gian nuôi con, bà T cùng người thân trong gia đình không được cản trở ông O trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con và theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[4] *Về quan hệ tài sản chung, nợ chung:* Ông O – bà T tự thỏa thuận về tài sản chung; nợ chung hai bên xác định không có, nên HĐXX không đề cặp xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí*: Ông Nguyễn Văn O là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; ông O còn phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con, theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 53, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 6 và điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn O.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Nguyễn Văn O – bà Lê Thị Thanh T là quan hệ vợ chồng;

Về quan hệ con chung: Công nhận thỏa thuận giữa ông O – bà T, giao cháu Lê Nguyễn Quang N, sinh ngày 27/5/2014 cho bà T tiếp tục nuôi.

Công nhận tự nguyện của ông Nguyễn Văn O cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng, kể từ tháng 01/2023 đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Bà T cùng người thân trong gia đình không được cản trở ông O trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung: Ông O – bà T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ nợ chung: Ông O – bà T khai không có nợ chung.

Về án phí: Ông Nguyễn Văn O phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, tổng cộng án phí ông O phải chịu là 600.000 đồng, được chuyển từ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0009680 ngày 25/10.2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT (*ông O phải nộp them 300.000 án phí*).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (2312/2021), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự).

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAT;
- VKS huyện;
- THADS để thi hành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Vp.

Lê Văn Huệ